

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/6/2022

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 159/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị M**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn An Phú, xã Đức Chính, huyện CGi, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị M: Ông Nguyễn Trọng Q - Luật sư VPLS AP

Địa chỉ : số 332 Lương Thế Vinh, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **YYS**, sinh năm 1959

Quốc tịch Hàn Quốc. Hộ chiếu số: TJ0692903, ngày cấp 17/4/2006, nơi cấp: Bộ ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc.

Địa chỉ: Số 491 phường B, quận Y, thành phố D, Hàn Quốc (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh YYS được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại quận Y, thành phố D, Hàn Quốc vào ngày 10/9/2010, đã ghi vào sổ đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Hải Dương, quyển số 01/2010, số 410 ngày 13/10/2010. Sau khi kết hôn, chị hoàn tất thủ tục để đoàn tụ cùng anh YYS vào cuối năm 2010. Sau khi sang Hàn Quốc một thời gian, chị nhận thấy bản thân không phù hợp với phong tục, tập quán, văn hóa của nước sở tại. Bên cạnh đó, do thời gian tìm hiểu giữa chị và anh YYS quá ngắn nên khi về sống chung, chị và anh YYS không có sự đồng cảm và chia sẻ. Cuối năm 2011, chị quay về Việt Nam sinh sống, kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, hai vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, anh YYS cũng không có ý định sang Việt Nam để đoàn tụ với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh YYS.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Luận cứ bảo vệ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị M và anh YYS đã trầm trọng, vợ chồng từ lâu không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M.

Anh YYS vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa chị Lê Thị M và anh YYS đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh YYS. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Chị Lê Thị M phải chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị M cung cấp địa chỉ của anh YYS tại Số 491 phường B, quận Y, thành phố D, Hàn Quốc là địa chỉ anh chị sống cùng nhau trước khi chị M về Việt Nam, ngoài địa chỉ trên chị M không cung cấp được địa chỉ nào khác. Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư

pháp tới Bộ Tư pháp để thực hiện ủy thác theo quy định của pháp luật. Ngày 10/12/2021, Bộ Tư pháp có Công văn số 2518/CH-BTP thể hiện Bộ tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã gửi văn bản ủy thác tới Cục quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc để thực hiện ủy thác đối với anh YYS. Ngày 01/4/2022, Bộ Tư pháp có Công văn số 739/BTP-PLQT thể hiện Bộ tư pháp nhận được Văn bản số 2022-D-57 ngày 08/02/2022 của Cục quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với anh YYS. Theo đó cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc đã thực hiện được ủy thác tư pháp vào ngày 08/02/2022 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp cho Tòa án ở tỉnh D thực hiện việc tổng đạt nhưng không thực hiện được ủy thác tư pháp do tên người nhận không rõ ràng, thông tin người nhận không rõ. Chị M xác định chị không có địa chỉ nào khác của anh YYS. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã tiến hành thông báo các văn bản của Tòa án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hàn Quốc. Tuy nhiên hết thời hạn 1 tháng anh YYS vẫn không có văn bản trình bày ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Lê Thị M và anh YYS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh YYS kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại quận Y, thành phố D, Hàn Quốc vào ngày 10/9/2010 và đã được ghi vào sổ đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Hải Dương, quyển số 01/2010, số 410 ngày 13/10/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì chị Lê Thị M trở về Việt Nam, anh YYS cũng không có ý định sang Việt Nam để đoàn tụ và cắt đứt mọi liên lạc với chị M. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2011 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Lê Thị M và anh YYS đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị được ly hôn anh YYS là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung: Chị M xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không đề nghị, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp anh YYS có yêu cầu giải quyết về tài sản chung (nếu có căn cứ) thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí, lệ phí: Chị Lê Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M ly hôn anh YYS.

2. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0007304 ngày 07/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Lê Thị M phải chịu 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) lệ phí ủy thác tư pháp, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0007345 ngày 05/8/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh YYS được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc (để niêm yết);
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa